



THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XOÁ BỎ HIỆU QUẢ LAO ĐỘNG TRẺ EM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

Đỗ Thị Quỳnh Trang, Đào Mộng Điệp

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, tp Huế, Việt Nam

***Tác giả liên hệ: Đỗ Thị Quỳnh Trang < miutrang.91@gmail.com >**

(Ngày nhận bài: 05-01-2024; Ngày chấp nhận đăng: 21-05-2024)

Tóm tắt. Bài viết phân tích và đánh giá thực trạng khung pháp luật về xoá bỏ hiệu quả lao động trẻ em; đồng thời làm rõ những vấn đề pháp lý đặt ra từ thực tiễn áp dụng pháp luật; trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong mối tương quan với các tiêu chuẩn lao động quốc tế của ILO.

Từ khoá: xoá bỏ hiệu quả lao động trẻ em; lao động trẻ em; tiêu chuẩn lao động quốc tế.

CURRENT LEGAL SITUATION ON THE EFFECTIVE ABOLITION OF CHILD LABOR AND THE LEGAL ISSUES ARISING FROM THE PRACTICAL IMPLEMENTATION IN VIETNAM

Do Thi Quynh Trang, Dao Mong Diep

The University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

***Correspondence to Do Thi Quynh Trang < miutrang.91@gmail.com >**

(Received: January 05, 2024; Accepted: May 21, 2024)

Abstract: The article analyzes and evaluates the current legal framework on the effective abolition of child labor; at the same time, clarifies the legal issues arising from the practical application of the law; on that basis, proposes some solutions to improve the law in relation to the international labor standards of ILO

Keywords: effective abolition of child labor; child labor; international labor standards

1. Giới thiệu

Trẻ em là những người chưa trưởng thành, còn non nớt về thể chất và tinh thần, thường dễ bị tổn thương và xâm hại về các quyền tự do và lợi ích hợp pháp của mình; trẻ em cũng là lớp công dân đặc biệt, nguồn nhân lực cho tương lai, nhân tố quyết định đến sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; vì vậy trẻ em là đối tượng cần được đặc biệt ưu tiên trong xã hội [1, Tr. 6]. Là một quốc gia phê chuẩn Công ước xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất số 182 (1999) và Công ước độ tuổi tối thiểu số 138 (1973) của ILO, Việt Nam đã cam kết giải quyết lao động trẻ em thông qua hệ thống pháp luật, chính sách và xây dựng thể chế liên quan. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những thành tựu đáng kể về phòng, chống lao động trẻ em, thiết lập một khuôn khổ pháp lý mạnh mẽ, phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế; đồng thời thực hiện các chương trình, dự án để phòng, chống lao động trẻ em trên toàn quốc và ở các địa phương [2]. Kết quả cuộc điều tra do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) phối hợp với Tổng cục Thống kê thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cho thấy, tỉ lệ lao động trẻ em tại Việt Nam thấp hơn khoảng 2% so với tỉ lệ trung bình của khu vực Châu Á và Thái Bình Dương [3].

Mặc dù đã có những nỗ lực trên, nhưng tình trạng lao động trẻ em ở Việt Nam vẫn tồn tại, đặc biệt là trong các khu vực kinh tế phi chính thức. Theo số liệu điều tra quốc gia về Lao động trẻ em năm 2020, tại Việt Nam có khoảng 1 triệu lao động trẻ em đang làm những công việc lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và không đi học hoặc chưa từng đi học [4]. Điều này ảnh hưởng có hại đến sức khỏe và tâm lý của trẻ em, hạn chế việc đi học của các em và hạn chế việc các em hướng tới việc làm bền vững. Ngoài ra, còn có các yếu tố khác góp phần dẫn tới lao động trẻ em như đói nghèo và tính dễ bị tổn thương của các gia đình liên quan; di cư từ nông thôn ra thành thị và thiếu tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; hoặc quan niệm của nhiều bộ phận trong xã hội cho rằng trẻ em làm việc từ nhỏ là có thể chấp nhận được và góp phần cho sự phát triển của các em, cũng như mong muốn của bản thân trẻ em được làm việc để đóng góp cho kinh tế gia đình [5, Tr. 53–55]. Mặt khác, tính phi chính thức của nhiều lĩnh vực trong nền kinh tế cũng dẫn đến việc thiếu lao động và hạn chế về an sinh xã hội, cùng với việc thanh tra lao động khó có khả năng đến các khu vực phi chính thức.

Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Một mặt, xuất phát từ nhu cầu khách quan của thị trường lao động, người sử dụng lao động vì lợi ích kinh tế trước mắt muốn tận dụng nguồn lao động trẻ em để trả công rẻ, dễ sai khiến. Mặt khác, do nhu cầu chủ quan của người chưa thành niên, từ sức ép về việc làm, từ nghèo đói mà chấp nhận cả những công việc

không phù hợp với mình. Tuy nhiên, cũng không thể không kể đến một nguyên nhân quan trọng là pháp luật về xoá bỏ lao động trẻ em còn bộc lộ những bất cập, hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến hiệu quả điều chỉnh. Mặc dù pháp luật Việt Nam về xoá bỏ lao động trẻ em liên tục được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền của lao động trẻ em khi tham gia Quan hệ lao động (QHLĐ), đáp ứng yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường, song trong bối cảnh hội nhập và nhất là khi Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP), những quy định hiện hành trong Bộ luật lao động (BLLĐ) năm 2019; Luật Công đoàn năm 2012; Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015; Luật Trẻ em năm 2016; Luật Bình đẳng giới năm 2006... Tuy nhiên, vẫn còn một số quy định chưa tương thích với các tiêu chuẩn lao động của ILO. Một số quy định còn nằm rải rác ở các văn bản pháp luật khác nhau, chưa mang tính hệ thống. Một số quy định của pháp luật thiếu tính khả thi, khó áp dụng trên thực tế... Từ đó, dẫn đến tình trạng sử dụng lao động trẻ em và xâm phạm đến quyền của lao động trẻ em xảy ra khá phổ biến, tình trạng lao động cưỡng bức, phân biệt đối xử về vùng miền, độ tuổi, giới tính... ở những mức độ khác nhau diễn ra không chỉ trong các doanh nghiệp mà còn ở nhiều địa phương trên phạm vi cả nước [6].

Thực tiễn này đòi hỏi phải có những giải pháp phòng ngừa, can thiệp và trợ giúp để bảo vệ lao động trẻ em, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của lao động trẻ em; từ đó bảo đảm nội luật hóa và thực thi có hiệu quả các quyền cơ bản của lao động trẻ em được nêu tại Công ước của ILO mà Việt Nam đã cam kết. Do đó, cần cần phải khắc phục ngay những bất cập, hạn chế trong quy định về xoá bỏ lao động trẻ em; bảo đảm hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất trong việc bảo vệ các quyền của con người nói chung, lao động trẻ em nói riêng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sẽ sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với từng nội dung, từng khía cạnh của bài viết.

- Phương pháp tổng hợp là phương pháp được sử dụng chủ yếu khi nghiên cứu những vấn đề lý luận và đánh giá thực trạng pháp luật về xoá bỏ lao động trẻ em nhằm tìm ra những ưu điểm, hạn chế trong việc quy định về nội dung điều chỉnh pháp luật đối với xoá bỏ lao động trẻ em. Ngoài ra, bài viết cũng sử dụng thêm phương pháp thống kê, điều tra, khảo sát và phỏng vấn trực tiếp để làm rõ thực tiễn thực thi pháp luật về xoá bỏ lao động trẻ em.

- Phương pháp phân tích, so sánh được sử dụng trong hầu hết các nội dung nghiên cứu để giải quyết các nội dung cụ thể của bài viết. Tài liệu chủ yếu sử dụng trong bài viết là các văn kiện pháp lý liên quan trong nước. Đây chính là nguồn tư liệu gốc và có vai trò “xương sống” để thể hiện nội dung của bài viết. Bên cạnh đó, bài viết còn sử dụng nguồn tài liệu là các văn bản pháp luật quốc tế và của nhiều quốc gia trên thế giới để so sánh và đánh giá sự phát triển,

mức độ hoà nhập và sự phù hợp giữa luật pháp quốc gia với luật pháp quốc tế. Ngoài ra, các sách, báo cáo tổng kết, hội thảo, bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành, trên báo chí, trên internet... cũng được sử dụng làm nguồn tài liệu để làm sáng tỏ những vấn đề được nêu trong bài viết.

- Phương pháp điều tra xã hội học được sử dụng khi xây dựng bảng hỏi, tiến hành khảo sát, xử lý các thông tin, đánh giá, tổng hợp và sử dụng các thông tin thu thập được có liên quan đến những nội dung về pháp luật xoá bỏ lao động trẻ em.

3. Tổng quan

Trên thế giới, thực trạng khung pháp luật về xoá bỏ lao động chưa thành niên hay lao động trẻ em trong thời gian gần đây đã thu hút được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế cũng như của nhiều quốc gia và đã được tổ chức nghiên cứu ở các phạm vi khác nhau. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu:

- Institute for labour study (1994), *Coprehensive Study on Child Labour in the Philippines*. Bài viết đã phân tích những nguyên nhân và đề xuất về chính sách, pháp luật để loại bỏ việc tuyển dụng trái phép trẻ em dưới 15 tuổi hoặc tuyển dụng những người dưới 18 tuổi làm công việc độc hại. Tuy nhiên, những đề xuất này chỉ mang tính định hướng, chưa đưa ra những đề xuất cụ thể về quy định pháp luật;

- Bharati Plug (2002), *An Overview of Child Domestic Workers in Asia*, ILO. Trong bài viết này tác giả Bharati Plug đã xác định nguyên nhân, hậu quả, những mặt tiêu cực của trẻ em lao động giúp việc gia đình cũng như đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ lao động trẻ em trong doanh nghiệp giúp việc gia đình ở 3 quốc gia Indonesia, Nepal, Thái Lan. Tuy nhiên, nghiên cứu lại chỉ giới hạn trong phạm vi lao động giúp việc gia đình;

- ILO (2006), *The end of child labour: within reach*, International Labour Office, Geneva. Báo cáo đã đưa ra một bức tranh tổng thể về tình hình lao động trẻ em ở nhiều khu vực trên thế giới cũng như chỉ ra những nỗ lực của nhiều quốc gia trong việc ngăn chặn và loại bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ. Báo cáo cũng kiến nghị các quốc gia thực hiện các chính sách kinh tế, giáo dục, xoá đói giảm nghèo cần thiết nhằm loại bỏ lao động trẻ em. Tuy nhiên, báo cáo chủ yếu mang tính kinh tế, xã hội và mới chỉ dừng lại ở việc khuyến nghị xây dựng các chương trình hành động chung ở cấp quốc gia, chưa đi sâu vào khía cạnh luật pháp nhằm loại bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ;

- Judith Ennew (1994), *Street and Working Children: A Guide to Planning*, Publisher by Save the Children. Cuốn sách này hoạch định chương trình cho trẻ em đường phố và trẻ em lao động ở đô thị các nước đang phát triển, đặc biệt cuốn sách này còn nghiên cứu về thực trạng trẻ

em đường phố và trẻ em lao động, từ đó đưa ra khung sườn của chương trình hoạt động, khai thác các nguồn lực bảo vệ trẻ em đường phố và trẻ em lao động;

- Joseph J. Amon, Jane Buchanan, Jane Cohen và Juiane Kippenberg (2012), “Child Labor and Environmental Health: Government Obligations and Human Rights”, International Journal of Pediatrics. Trong bài viết này các tác giả đã đề cập đến những nội dung của “Công ước về cấm và hành động xóa bỏ ngay lập tức các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất – 1999” của ILO, đã được 174 quốc gia trên thế giới ký kết và phê chuẩn, nhằm đảm bảo việc nghiêm cấm và loại bỏ các hình thức lao động trẻ em gây nguy hại cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của đối tượng là lao động trẻ em.

Ở Việt Nam, dưới góc độ khoa học, cho đến nay chế định pháp lý về xóa bỏ lao động trẻ em đã được đề cập trong nghiên cứu của một số cơ quan, tổ chức, cá nhân hay trong các bài báo, bài viết hoặc một số luận văn đã công bố. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu:

- Bài viết “Phòng, chống bạo lực đối với trẻ em và lao động trẻ em – Pháp luật và thực tiễn” của TS Đỗ Ngân Bình đăng trên Tạp chí Luật học số 2 năm 2009, đã phân tích để đưa ra khái niệm lao động vị thành niên, lao động trẻ em và thực trạng bạo lực đối với lao động trẻ em cũng như chỉ rõ thực trạng quy định liên quan đến phòng, chống bạo lực đối với trẻ em, lao động trẻ em để từ đó bước đầu đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về phòng chống bạo lực đối với trẻ em và lao động trẻ em. Như vậy, bài viết này không đề cập một cách toàn diện về bảo vệ trẻ em và lao động trẻ em nói chung mà chỉ đề cập đến khía cạnh phòng, chống bạo lực đối với trẻ em và lao động trẻ em;

- Luận văn thạc sĩ “Lao động chưa thành niên theo pháp luật lao động Việt Nam hiện nay” của tác giả Nguyễn Thị Nhân thực hiện tại Học viện Khoa học xã hội năm 2016. Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận về người lao động chưa thành niên và sự cần thiết phải bảo vệ quyền lợi của họ trong quan hệ lao động; nghiên cứu thực trạng pháp luật lao động chưa thành niên và thực tiễn thực hiện, trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và đề xuất các cơ chế đảm bảo cho việc thực thi pháp luật hiệu quả hơn, đảm bảo sự quản lý của Nhà nước đối với loại quan hệ xã hội đặc biệt này;

- Luận văn thạc sĩ luật học “Đảm bảo quyền lợi của lao động chưa thành niên theo pháp luật lao động Việt Nam” của tác giả Nguyễn Thế Hùng (2018) tại Trường Đại học Luật Hà Nội đã phân tích thực trạng pháp luật về đảm bảo quyền lợi của lao động chưa thành niên, từ đó đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về vấn đề này;

- Bài viết “Kinh nghiệm một số nước trên thế giới về xóa bỏ lao động trẻ em và bài học cho Việt Nam” của tác giả Khúc Thị Trang Nhung, Phạm Thị Hương Giang đăng tải trên Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số 2 năm 2022 đã phân tích kinh nghiệm xóa bỏ lao động trẻ em tại 03

quốc gia và khu vực: Trung Quốc, Mỹ và châu Phi; từ đó, rút ra giá trị tham khảo cho pháp luật Việt Nam;

- Bài viết “Phòng ngừa, xóa bỏ lao động trẻ em trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam” của tác giả Vũ Công Giao, Nguyễn Hoàng Hà đăng trên tạp chí Luật học, số 11/2017 đã phân tích, đánh giá tính tương thích giữa các quy định trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam liên quan đến lao động trẻ em cũng như đòi hỏi thực tiễn của công tác phòng ngừa và xoá bỏ lao động trẻ em ở Việt Nam;

- Bài viết khoa học “Xóa bỏ lao động trẻ em: Kinh nghiệm ở một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam” của tác giả Trương Thị Ngọc Lan đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước, số 8 năm 2019 đã phân tích pháp luật về việc xóa bỏ lao động trẻ em ở một số nước trên thế giới; từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam nhằm xóa bỏ lao động trẻ em trong bối cảnh hội nhập quốc tế;

- Luận án tiến sĩ luật học “Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của người lao động trong bối cảnh Việt Nam gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương” của tác giả Trần Tuấn Sơn thực hiện tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế năm 2022. Luận án là nghiên cứu toàn diện, sâu sắc, có hệ thống một số vấn đề lý luận về bảo vệ quyền của Người lao động (NLĐ) và pháp luật bảo vệ quyền của NLĐ trên cơ sở các tiêu chuẩn lao động quốc tế cơ bản được đề cập trong Hiệp định CPTPP; phân tích thực trạng quy định pháp luật về bảo vệ quyền của NLĐ, thực tiễn thực hiện pháp luật và đánh giá mức độ tương thích, phù hợp trong các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của NLĐ so với các cam kết về quyền của NLĐ được quy định trong Hiệp định CPTPP. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất một số kiến nghị, giải pháp để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ quyền của NLĐ ở Việt Nam đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định CPTPP;

- Luận án tiến sĩ luật học “Hoàn thiện pháp luật về lao động chưa thành niên trong điều kiện hội nhập quốc tế” của tác giả Trần Thắng Lợi thực hiện tại Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2012. Luận án đã phân tích, chỉ ra những kinh nghiệm của một số nước khi điều chỉnh pháp luật đối với người lao động chưa thành niên. Đây là một trong những cơ sở tham khảo quan trọng nhằm so sánh và hoàn thiện pháp luật về người lao động chưa thành niên ở nước ta.

4. Thảo luận

Lao động trẻ em là một loại hình lao động đặc thù; bởi lẽ, khi sử dụng lực lượng lao động đặc biệt này cần tính đến những điều kiện và đặc điểm riêng biệt nhằm bảo đảm quyền học tập và phát triển của trẻ em. Sau khi trở thành thành viên của ILO, Việt Nam đã lần lượt phê chuẩn hai Công ước của ILO có liên quan đến vấn đề lao động trẻ em bao gồm Công ước số 182 về

những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và Công ước số 138 về tuổi tối thiểu. Trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam hiện hành về lao động, vấn đề xóa bỏ lao động trẻ em được đề cập ở BLLĐ năm 2019, Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác như Luật trẻ em 2016; Luật Bình đẳng giới năm 2006... Nhìn chung, khung pháp luật Việt Nam hiện hành về xóa bỏ lao động trẻ em chủ yếu đề cập tới một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, về các độ tuổi tối thiểu có liên quan đến sử dụng lao động trẻ em (lao động chưa thành niên).

Dưới góc độ luật thực định, Điều 143 BLLĐ năm 2019 đã chỉ rõ các mốc tuổi đối với từng loại đối tượng lao động chưa thành niên, bao gồm: từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi và chưa đủ 13 tuổi. Tham khảo các quy định về các độ tuổi tối thiểu trong Công ước 138 về tuổi tối thiểu được đi làm việc, có thể nhận thấy quy định của pháp luật Việt Nam đã có sự tương thích với những quy định tại các Điều 3, 7, 81 Công ước 138. Về kỹ thuật lập pháp, đây là một điểm mới “tiến bộ” của BLLĐ năm 2019 so với BLLĐ năm 2012. Theo đó, trước đây tại Điều 161 BLLĐ năm 2012 thì nhà làm luật chỉ đề cập tới một độ tuổi duy nhất nhằm mục đích đưa ra định nghĩa về lao động chưa thành niên. Ngoài ra, theo tác giả, mặc dù có một số quy định gián tiếp nhắc đến các độ tuổi tối thiểu theo tinh thần của Công ước số 138; tuy nhiên việc đưa ra các độ tuổi tối thiểu khác nhau ngay tại Điều 143 BLLĐ năm 2019 đã thể hiện và truyền tải đúng tinh thần của Công ước, giúp các chủ thể có liên quan dễ dàng tham chiếu và áp dụng khi cần thiết.

Thứ hai, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của lao động trẻ em.

Do lao động chưa thành niên hiểu biết xã hội, hiểu biết cuộc sống còn hạn chế, khả năng tự bảo vệ chưa cao, dễ bị bóc lột và lợi dụng, nên trong thực tế, nhiều chủ sử dụng lao động trong các doanh nghiệp tư nhân nhỏ lẻ, tổ hợp tác, cá nhân trong các làng nghề, cơ sở xây dựng, sử dụng lao động sản xuất các mặt hàng tiêu dùng thủ công... đã kéo dài thời giờ làm việc trong ngày. Thậm chí có trường hợp bóc lột tối đa sức lao động của lao động chưa thành niên tới 14, 15 giờ trong một ngày. Họ hầu như không được nghỉ ngơi, học tập, tham gia các hoạt động xã hội khác, từ đó làm ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần của lao động chưa thành niên [14, Tr. 43].

Bởi vậy, để bảo vệ lao động chưa thành niên khi tham gia quan hệ lao động, ngoài quy định các nghề, công việc được sử dụng lao động chưa thành niên, điều kiện tuyển dụng lao động chưa thành niên, các quyền lợi về việc làm, tiền lương... pháp luật còn cần đặc biệt quan tâm đến thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi nhằm đảm bảo cho trẻ em có thời gian học tập, nghỉ ngơi để phát triển thể chất.

Dưới góc độ luật thực định, có thể thấy quy định của BLLĐ năm 2019 về cơ bản vẫn giữ nguyên quy định về thời lượng là không quá 04 giờ/ngày và 20 tiếng/tuần đối với lao động

dưới 15 tuổi. Đối với lao động chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì được phép làm việc không quá 08 tiếng/ngày và 40 giờ/tuần (Điều 146). So với lao động thành niên, lao động chưa thành niên làm việc ít hơn 08 tiếng/tuần. Về làm thêm giờ, BLLĐ năm 2019 quy định lao động chưa thành niên từ đủ 15 đến 18 tuổi được làm thêm giờ và làm việc ban đêm một số công việc theo quy định pháp luật (khoản 2 Điều 146 BLLĐ năm 2019). Tuy nhiên, khi đối sánh với Khuyến nghị số 146 của ILO về tuổi tối thiểu được nhận vào làm việc cấm làm thêm giờ đối với lao động trẻ em để đủ thời gian cho việc giáo dục, nghỉ ngơi và các hoạt động khác (Đoạn 13); có thể pháp luật Việt Nam về vấn đề này chưa có sự tương thích với công ước quốc tế về quy định này.

Về thời giờ nghỉ ngơi, hiện nay vẫn chưa có quy định riêng cho lao động chưa thành niên, mà vẫn theo quy định về thời giờ nghỉ ngơi của người lao động nói chung (từ Điều 109-116 BLLĐ năm 2019). Đảm bảo thời giờ nghỉ ngơi luôn là chế định mà pháp luật nhiều quốc gia chú trọng và được quy định trong một số Công ước của ILO như Công ước số 106 về nghỉ hàng tuần trong thương mại và văn phòng năm 1957 hay Công ước số 132 về giờ làm việc và ngày nghỉ phép năm 1970. Lao động trẻ em là đối tượng lao động đặc thù về thể chất và tinh thần, việc quy định thời gian nghỉ ngơi cụ thể nhằm bảo vệ tối ưu quyền lợi chính đáng cho lao động này, phòng tránh việc lạm dụng sử dụng lao động trẻ em bất hợp pháp.

Thứ ba, về danh mục các ngành nghề bị cấm sử dụng lao động trẻ em.

Về kỹ thuật lập pháp, Thông tư số 09/2020 quy định danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên (69 công việc) tại Phụ lục III, danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên (06 địa điểm) tại Phụ lục IV. Đối sánh với Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH trước đây, có thể Thông tư số 09/2020 đã bổ sung nhiều công việc, nhóm công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên đặc biệt là những công việc thuộc ngành công nghiệp nặng, hóa chất, làng nghề truyền thống, khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế gia đình nơi tình trạng lao động trẻ em diễn ra phức tạp. Tuy nhiên, Thông tư số 09/2020 vẫn chưa quy định một số ngành nghề trong lĩnh vực ngư nghiệp và nông nghiệp được đánh giá là nguy hiểm do sử dụng thiết bị, máy móc thiếu tiêu chuẩn về an toàn lao động, bao gồm các yếu tố nặng nhọc, độc hại như cày, bừa... trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ tư, về xử lý vi phạm về sử dụng lao động trẻ em.

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng lao động trẻ em có thể bị xử lý về hành chính và hình sự, các chủ thể có hành vi vi phạm có thể phải chịu trách nhiệm dân sự, hành chính hoặc trách nhiệm hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự, Điều 13, BLDS năm 2015 quy định: “Cá nhân, pháp nhân có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa

thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Đây là căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường trong trường hợp có hành vi vi phạm lao động trẻ em.

* Về trách nhiệm hành chính, Nghị định số 12/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, NLĐ Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Những hành vi vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ có thể bị phạt tiền đối với những hành vi vi phạm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

* Về trách nhiệm hình sự, so với BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) trước đây thì BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đã bổ sung hàng loạt các tội danh liên quan đến lao động trẻ em tại các Điều 151 [Tội mua bán người dưới 16 tuổi]; Điều 296 [Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi]; Điều 297 [Tội cưỡng bức lao động].

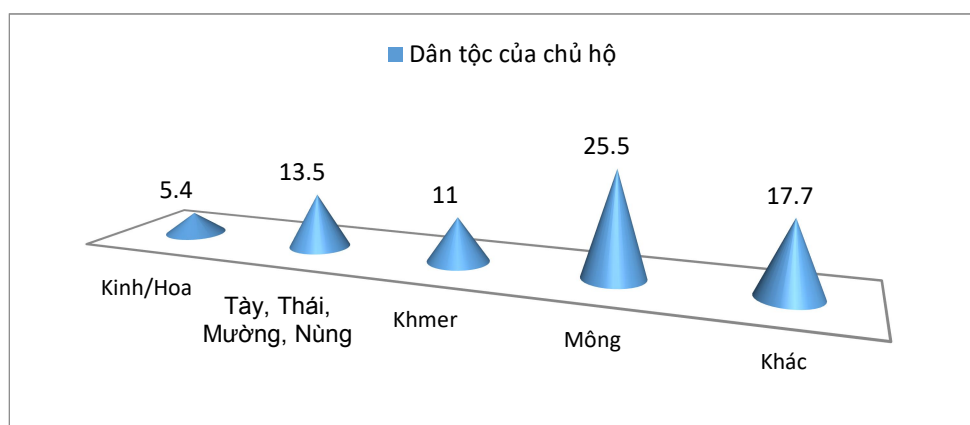
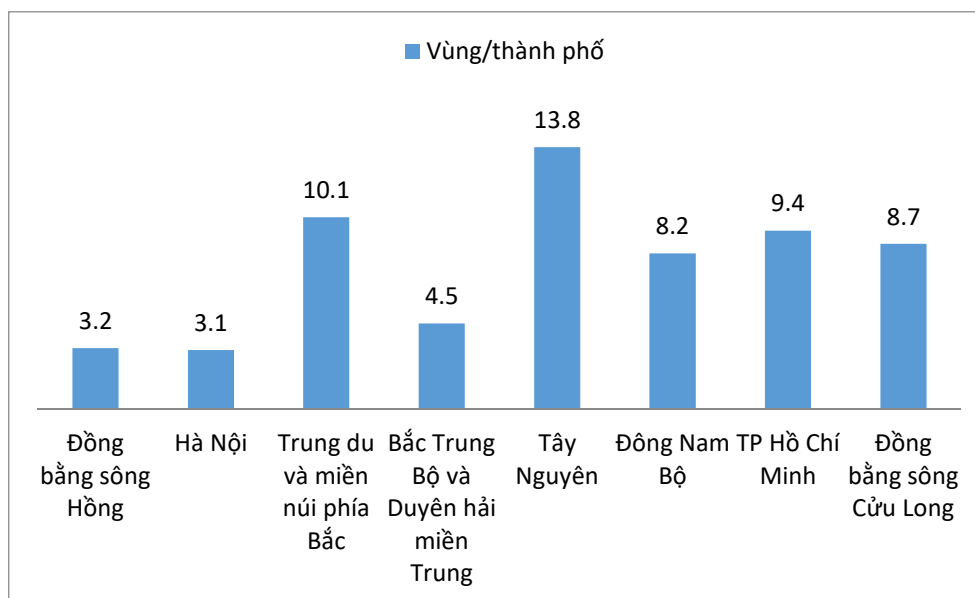
Nhìn chung, pháp luật pháp luật Việt Nam hiện hành đã xây dựng tương đối đầy đủ hệ thống các chế tài xử lý vi phạm pháp luật đối với lao động trẻ em. Thực tiễn thực hiện pháp luật hiện hành cho thấy biện pháp xử phạt áp dụng đối với người sử dụng người lao động chưa thành niên phần lớn là biện pháp hành chính, ít áp dụng chế tài hình sự do vướng mắc trong việc xác định hành vi phạm tội. Tuy nhiên, BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) vẫn “bỏ ngỏ” tội danh liên quan đến việc với người sử dụng người lao động từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi làm các công việc nặng nhọc, nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng.

5. Kiến nghị

Ở Việt Nam hiện nay, thực tiễn thực hiện pháp luật về xoá bỏ lao động trẻ em được đánh giá là chưa nghiêm túc. Tình trạng lao động chưa thành niên tham gia vào QHLD nhưng không được ký kết HĐLĐ bằng văn bản, phần lớn là hợp đồng bằng lời nói nên không có ràng buộc về mặt pháp lý giữa NSDLĐ và NLĐ chưa thành niên, nếu có ký kết HĐLĐ thì hầu hết chưa quy định rõ thời gian làm việc, chế độ nghỉ ngơi. Tình trạng lao động chưa thành niên làm việc ở những ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên vẫn còn diễn ra; nhiều cơ sở sử dụng lao động trong độ tuổi chưa thành niên, không đăng ký với cơ quan quản lý lao động địa phương, do đó rất khó khăn trong công tác quản lý, giám sát [15]. Theo số liệu Điều tra quốc gia về lao động trẻ em do ILO phối hợp với Tổng cục Thống kê và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội công bố năm 2020 có thể thấy vẫn có tới 198.505 trẻ em, chiếm 12,9% làm các công việc tự sản, tự tiêu (trong tổng số 344.166 trẻ em 5-17 tuổi hoạt động kinh tế với các công việc thuộc nhóm sản phẩm tự sản, tự tiêu thuộc nhóm đối tượng được loại trừ theo tinh thần của Công ước 138) được xác định là lao động trẻ em do đã tham gia vào các công việc có yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của trẻ em [16]. Cũng theo kết quả điều tra trên thì tỷ lệ trẻ em 5-17 tuổi tham gia hoạt động kinh tế có giảm từ 15,5% năm 2012 xuống 9,1% năm 2018. Tuy nhiên, năm 2018 vẫn còn 29,6% trẻ em tham gia hoạt động kinh tế tham gia làm các công việc nặng nhọc, độc

hại, nguy hiểm, trong đó tập trung nhiều trong khu vực công nghiệp – xây dựng và khu vực dịch vụ. Có tới 519.805 lao động trẻ em phải làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chiếm 50,4% số lao động trẻ em [16]).

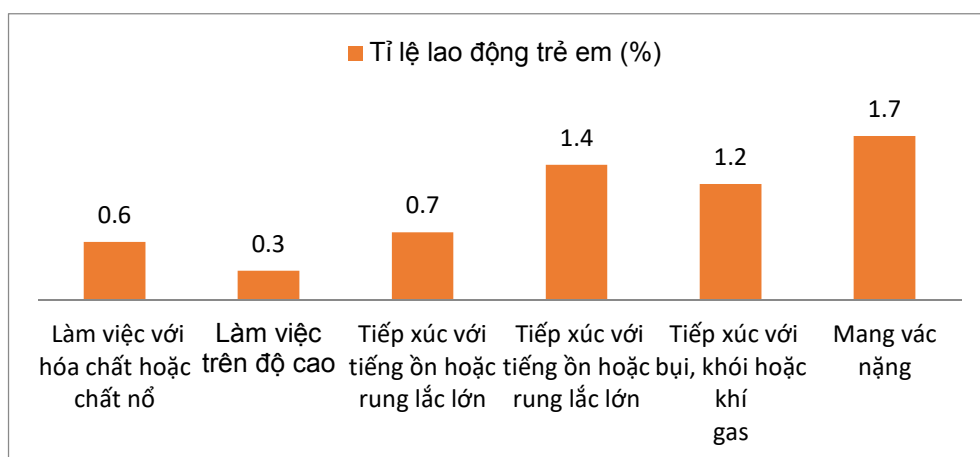
Bảng 1. Số liệu về tỉ lệ trẻ em từ 5-17 tuổi tham gia lao động trẻ em theo vùng và theo dân tộc của chủ hộ năm 2020-2021 (đơn vị tính: %) [17]



Qua đây cho thấy tình trạng đáng báo động của vấn đề lao động trẻ em ở Việt Nam hiện nay. Lao động trẻ em ở Việt Nam tồn tại ở những nơi mà pháp luật khó có thể can thiệp hiệu

quả để giải quyết tận gốc, đó là lao động trẻ em xuất hiện phổ biến trong khu vực phi chính thức, tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, trực tiếp tạo ra hàng hóa, sản phẩm dịch vụ, góp mặt trong chuỗi cung ứng [18]. Đa số các công việc mà lao động trẻ em có thể tham gia có môi trường và điều kiện làm việc chưa đảm bảo an toàn lao động. Về điều kiện làm việc theo báo cáo điều tra SDGCW Việt Nam năm 2020-2021 về lao động trẻ em có 0,6% lao động trẻ em làm việc với hóa chất hoặc chất nổ; 0,3% làm việc trên độ cao; 0,7% trẻ em làm việc tiếp xúc với tiếng ồn hoặc rung lắc lớn; đặc biệt, 1,4% trẻ em làm việc tiếp xúc với môi trường rất lạnh, rất nóng hoặc độ ẩm cao... đây là những nơi không an toàn đối với trẻ em [17].

Bảng 2: Số liệu về tỉ lệ trẻ em từ 5-17 tuổi làm việc trong điều kiện lao động nguy hiểm năm 2020-2021 (đơn vị tính: %) [17]



Từ những phân tích trên cho thấy, tình trạng lạm dụng lao động trẻ em ở Việt Nam đang ở mức nghiêm trọng và còn có những diễn biến phức tạp, đặc biệt là tỷ lệ lao động trẻ em đang phải làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm còn chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu lao động trẻ em ở Việt Nam hiện nay. Do đó, trong thời gian tới, việc hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam hiện hành về xoá bỏ lao động trẻ em là cần thiết. Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật về xoá bỏ lao động trẻ em và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện như sau:

Thứ nhất, sửa đổi quy định về thời gian làm việc của các đối tượng là lao động trẻ em từ đủ 15 tuổi tới chưa đủ 18 tuổi, cụ thể là tại Khoản 2 Điều 146 của BLLĐ năm 2019 theo hướng như sau: “...2. Thời gian làm việc của người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không được quá 06 giờ trong 01 ngày và 30 giờ trong 01 tuần”.

Về phương diện thực tiễn, giai đoạn từ đủ 15 tuổi tới chưa đủ 18 tuổi là giai đoạn quan trọng đối với trẻ em khi vấn đề tâm sinh lý của trẻ thay đổi khá lớn. Trẻ em trong giai đoạn này

đòi hỏi sự quan tâm, bồi dưỡng, giáo dục về mọi khía cạnh trong cuộc sống nhằm phát triển đầy đủ về mặt thể chất, tinh thần. Do vậy, với quy định về thời gian làm việc không quá 08 giờ một ngày và 40 giờ trong một tuần, trẻ em ở giai đoạn này sẽ bị hạn chế các cơ hội để phát triển toàn diện và hoàn thiện bản thân về thể chất, tâm lý và trí tuệ. Thời gian làm việc tối đa giảm xuống, trẻ em có thể được tạo điều kiện để tham gia các khóa học nhằm bồi dưỡng và phát triển bản thân.

Thứ hai, về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của lao động trẻ em trong thời gian tới cần bổ sung quy định về thời giờ nghỉ ngơi riêng đối với lao động chưa thành niên, đảm bảo các em có đủ thời gian để phát triển thể lực, trí lực và hoạt động học tập. Theo quy định của BLLĐ năm 2019, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động nói chung bao gồm: Nghỉ giữa ca, nghỉ chuyển ca, nghỉ hàng tuần, nghỉ ngày lễ, nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng. Người lao động chưa thành niên vẫn có thể áp dụng các quy định như người lao động nói chung về chế độ nghỉ lễ, tết (11 ngày), nghỉ hàng năm, nghỉ việc riêng. Tuy nhiên, chế độ nghỉ giữa ca, nghỉ chuyển ca và nghỉ hàng tuần nên xem xét để điều chỉnh cho phù hợp với thể trạng của người lao động chưa thành niên. Cụ thể: Nghỉ giữa giờ ít nhất 45 phút; nghỉ chuyển ca ít nhất 18 giờ; nghỉ hàng tuần ít nhất 02 ngày, liên tục 48 tiếng. So với lao động trưởng thành, lao động chưa thành niên chưa có sự phát triển toàn diện về mặt sinh học, sự tiêu hao trí não, thần kinh, cơ bắp sẽ diễn ra nhanh hơn. Vì vậy, lao động chưa thành niên cần có thời gian nghỉ ngơi phù hợp để phục hồi sức khỏe. Đồng thời, pháp luật nên xóa bỏ quy định về làm thêm giờ, làm việc ban đêm đối với lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi nhằm đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế [9, Tr. 54–61].

Thứ ba, về danh mục các ngành nghề bị cấm sử dụng lao động trẻ em trong thời gian tới cần bổ sung danh mục các ngành nghề, công việc cấm sử dụng lao động trẻ em theo tiêu chuẩn mà ILO đã đưa ra tại Công ước số 182 về cấm và hành động ngay lập tức để xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và Công ước số 138 về độ tuổi lao động tối thiểu như các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp (cày, bừa...).

Thứ tư, về xử lý vi phạm về sử dụng lao động trẻ em trong thời gian tới cần bổ sung chế tài hình sự đối với người sử dụng người lao động từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi làm các công việc nặng nhọc, nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng. Đồng thời, có thể xem xét đến hình phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động kinh doanh của cơ sở vi phạm sử dụng trái phép lao động trẻ em [18, Tr. 41–45].

6. Kết luận

Việt Nam tham gia Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em vào năm 1991 và các công ước 138 và 182 của ILO lần lượt vào ngày 24/6/2003 và 19/12/2000. Kể từ khi tham gia các công ước nêu trên, Việt Nam đã nỗ lực hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật liên quan đến

tuổi lao động tối thiểu và xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giải thích, giáo dục pháp luật về các vấn đề này thông qua các chương trình ở cấp độ quốc gia; tăng cường quản lý nhà nước và thanh tra lao động đối với vấn đề lao động trẻ em; lồng ghép mối quan tâm về lao động trẻ em vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế [10]. Nhìn chung, pháp luật Việt Nam về xoá bỏ lao động trẻ em đã tương thích với những quy định cơ bản của Điều 32 Công ước về quyền trẻ em và hai Công ước số 138 và 182 của ILO. Tuy nhiên, xét trên một số vấn đề cụ thể thì vẫn còn bất cập. Những bất cập này cũng chính là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng lao động trẻ em hiện nay ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tăng Thị Thu Trang (2016), *“Quyền trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay”*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.
2. Lê Công Phúc (2019), *“Pháp luật về xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em, qua thực tiễn thành phố Đà Nẵng”*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.
3. ILO (2020), *“Tỷ lệ lao động trẻ em của Việt Nam thấp hơn 2% so với trung bình của khu vực”*; truy cập 01/8/2023 tại: https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_764700/lang--vi/index.htm.
4. Minh Huệ (2021), *“Tiếp tục ngăn chặn lao động trẻ em khi dịch COVID-19 vẫn tiếp diễn”*; truy cập 01/8/2023 tại: <https://www.vietnamplus.vn/tiep-tuc-ngan-chan-lao-dong-tre-em-khi-dich-covid19-van-tiep-dien/719488.vnp>.
5. Nguyễn Thị Nga (2020), *“Nỗ lực xoá bỏ lao động trẻ em”*, *Tạp chí Nhân quyền Việt Nam*, số 2.
6. Trần Thị Như Nguyệt (2021), *“Pháp luật về phòng chống tình trạng lạm dụng lao động trẻ em, thực tiễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.
7. Đỗ Ngân Bình (2009), *“Phòng, chống bạo lực đối với trẻ em và lao động trẻ em – pháp luật và thực tiễn”*, *Tạp chí Luật học*, Số 2(105).
8. Nguyễn Thị Nhân (2016), *“Lao động chưa thành niên theo pháp luật lao động Việt Nam hiện nay”*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
9. Khúc Thị Trang Nhung, Phạm Thị Hương Giang (2022), *“Kinh nghiệm một số nước trên thế giới về xoá bỏ lao động trẻ em và bài học cho Việt Nam”*, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, Số 02 (56).

10. Vũ Công Giao, Nguyễn Hoàng Hà (2017), “Phòng ngừa, xóa bỏ lao động trẻ em trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, Số 11.
11. Trương Thị Ngọc Lan (2019), “Xóa bỏ lao động trẻ em: Kinh nghiệm ở một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Số 8, tr.97–100; truy cập 10/12/2023 tại: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2019/09/25/xoa-bo-lao-dong-tre-em-kinh-nghiem-o-mot-so-quoc-gia-va-gia-tri-tham-khao-cho-viet-nam/>.
12. Trần Tuấn Sơn (2022), “*Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền của người lao động trong bối cảnh Việt Nam gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương*”, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.
13. Trần Thắng Lợi (2012), “*Hoàn thiện pháp luật về lao động chưa thành niên trong điều kiện hội nhập quốc tế*”, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Nguyễn Hữu Chí (2021), “*Bình luận khoa học Bộ luật Lao động năm 2019*”, Nxb. Tư pháp.
15. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2018), “*Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động năm 2012*”, Hà Nội.
16. ILO, Tổng cục Thống kê và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2020), “*Điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018*”; xem tại: https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_764355/lang--vi/index.htm
17. Điều tra SDGCW Việt Nam năm 2020-2021 về lao động trẻ em; xem tại: <https://www.unicef.org/vietnam/media/8746/file/Lao%20%C4%91%E1%BB%99ng%20tr%E1%BA%BB%20em.pdf>
18. Khúc Thị Trang Nhung, Phạm Thị Hương Giang (2021), “*Hoàn thiện pháp luật về sử dụng lao động trẻ em ở Việt Nam*”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 19.